10. CẢI CHÁNH KIẾN THỨC

(DIṬṬHUJUKAMMA)

Định nghĩa:

Diṭṭhujukamma (Cải chánh kiến thức) là tạo phước bằng cách trau dồi kiến thức, làm cho tri kiến trở nên chân chánh, đúng đắn, ngay thẳng, có chánh kiến (sammādiṭṭhi).

Từ Pāḷi Diṭṭhujukamma = diṭṭhi + uju + kamma, diṭṭhi bắt nguồn từ ngữ căn "dis" nghĩa là thấy, biết; được dịch là kiến, tri kiến, quan kiến, quan điểm, quan niệm, sự tin tưởng. Uju: đúng đắn, ngay thẳng, chánh trực. Kamma: việc làm, hành động, nghiệp. Do vậy, Diṭṭhujukamma nghĩa là làm cho tri kiến ngay thẳng, chánh trực.

Tri kiến ngay thẳng, chân chánh, hiểu biết đúng đắn được gọi là chánh kiến (sammādiṭṭhi).

Tri kiến sai lạc, quan điểm không đúng với chân lý thì gọi là tà kiến (micchādiṭṭhi).

Có Pāḷi Chú giải như vầy: Micchā passatīti = diṭṭhi: Thấy biết sai lệch với chân pháp gọi là tà kiến. Tức là quan niệm không đúng với thực tính pháp (sabhāvadhamma), quan điểm sai lệch với sự thật. Như vô thường cho là thường, khổ cho là lạc, Vô ngã cho là ngã…

Trong Aṅguttara Nikāya, Kinh Vipallāsa, Đức Phật dạy:

Trong vô thường, tưởng thường.
Trong khổ, tưởng là lạc,
Trong vô ngã, tưởng ngã,
Trong bất tịnh, tưởng tịnh,
Chúng sanh đến tà kiến,
Tâm động, tưởng tà vọng,
Bị ma trói buộc chặt,
Không thoát khỏi ách nạn,
Chúng sanh bị luân chuyển,

Trong sanh tử luân hồi… (AN 4.49: Vipallāsasutta)

Có Pāḷi định nghĩa diṭṭhujukamma như vầy: "Diṭṭhiyā ujukaraṇaṃ: Diṭṭhujukammaṃ". Làm cho tri kiến được chính chắn gọi là diṭṭhujukamma (cải chánh tri kiến). Tức là trí tuệ biết về nghiệp quả (kammassakatāñāṇa) đồng sanh với Tư thiện.

Từ Pāḷi "Diṭṭhujukamma" (cải chánh tri kiến) là tên gọi của trí tuệ biết về nghiệp quả. Như ngài trưởng lão Ānanda đã trình bày trong Kamāvacarakusalapada của Mūlaṭīkā rằng:

"Kammassakatāñāṇaṃ: diṭṭhujukammaṃ". Trí biết về nghiệp quả, gọi là diṭṭhujukamma.

Tức là trí hiểu biết rằng tất cả chúng sanh đều có nghiệp là của riêng mình. Tất cả thiện nghiệp hay ác nghiệp đã tạo là của riêng mình. Mỗi chúng sanh đều chịu trách nhiệm trong hành động thiện lẫn bất thiện của mình. Sự thấy biết như vậy được gọi là Cải Chánh Tri Kiến.

Có Pāḷi định nghĩa từ "Kammassakatāñāṇa" (trí tuệ biết về nghiệp quả) như vầy:

- "Kammaṃ sakaṃ yesanti: Kammassakā". Nghiệp là quyền sở hữu của riêng tất cả chúng sanh.
- "Kammassakānaṃ bhāvo: Kammassakatā". Đời sống của tất cả chúng sanh có nghiệp là quyền sở hữu của mình.

Nghĩa là: Trí hiểu biết rõ đời sống của chúng sanh có nghiệp là sở hữu của mình, gọi là Kammassakatā (trí tuệ biết về nghiệp quả), tức sở hữu trí tuệ.

Đức Phật dạy về nghiệp và quả của nghiệp như sau:

- "Kammassako'mhi kammadāyādo kammayoni kammabandhu kammappaṭisaraṇo, yaṃ kammaṃ karissāmi kalyāṇaṃ vā pāpakaṃ vā tassa dāyādo bhavissāmi."

Nghĩa: "Ta là sở hữu chủ nghiệp, thừa tự nghiệp, nghiệp là thai tạng, nghiệp là quyến thuộc, nghiệp là điểm tựa, bất cứ nghiệp thiện hay ác nào ta làm, ta sẽ thừa tự nghiệp ấy."

Có Pāḷi định nghĩa Diṭṭhujukamma theo cách khác nữa như vầy:

- "Attano paccayehi ujuṃ karīyatīti: Ujukammaṃ". "Diṭṭhi eva ujukammaṃ: Diṭṭhujukammaṃ".

Nghĩa: "Pháp bản thể nào được các duyên của mình làm cho chơn chánh, pháp bản thể đó gọi là ujukamma (cải chánh)". "Tri kiến được làm cho đúng đắn, chơn chánh, gọi là diṭṭhujukamma" (Cải Chánh Tri Kiến).

Từ "Tri Kiến" (diṭṭhi) ở đây ám chỉ đến trí tuệ là pháp bản thể hiểu biết đúng bản chất sự thật, đó là trí tuệ biết về nghiệp (kammassakatāñāṇa).

- "Attano paccayehi". Pháp bản thể là duyên của mình, có nghĩa là pháp làm duyên của trí tuệ biết về nghiệp.

Pháp làm duyên cho trí hiểu biết về nghiệp có 3 loại:

1. Trí văn (Sutamayapaññā): Trí tuệ phát sanh do nghe pháp, học hỏi nghiên cứu chánh pháp là nhân, là duyên cho phát sanh trí biết về nghiệp.
2. Trí tư (Cintamayapaññā): Trí tuệ phát sanh do tư duy, suy xét sâu sắc về chánh pháp, suy xét về sự hiện hữu của tất cả chúng sanh khác nhau trong đời đều do nghiệp và quả của nghiệp, như suy xét chúng sanh hữu bệnh, vô bệnh, thông minh, ngu dốt, an lạc, khổ đau… là nhân, là duyên cho phát sanh trí hiểu biết về nghiệp.
3. Trí tu (Bhāvanāmayapaññā): Trí tuệ phát sanh do tu tiến thiền quán (vipassana) thấy rõ nhân quả, thấy rõ sự sanh diệt của Danh pháp và Sắc pháp, hiểu biết rõ tam tướng vô thường, khổ và vô ngã, làm nhân, làm duyên hỗ trợ cho trí hiểu biết về nghiệp sanh khởi.

Trong câu Pāḷi định nghĩa thứ 2 này thì trí tuệ được chia thành 2 loại:

1. Trí Tuệ thuộc về nhân, đó là 3 loại trí: trí văn, trí tư, trí tu.
2. Trí Tuệ thuộc về quả, đó là trí hiểu biết về nghiệp (kammassakatāñāṇa).

Chính do nhân này, cho dù tất cả chúng sanh chưa loại trừ được thân kiến (chấp thủ 5 uẩn là ta). Nhưng khi có Trí tuệ hiểu biết rõ nghiệp là của riêng mình (kammassakatāñāṇa) là người có chánh kiến.

Trí hiểu đúng đắn về 10 điều chánh kiến (dasavatthukasammādiṭṭhi) một cách trọn vẹn thì cũng được gọi là trí hiểu biết về nghiệp trợ cho thành tựu Cải Chánh Tri Kiến.

Trong Trung Bộ kinh tập I, bài kinh 41. Sāleyyakasutta, Đức Phật dạy 10 điều chánh kiến (Dasavatthukasammādiṭṭhi) như sau:

Người có chánh kiến nghĩ rằng:

1. Atthi dinnaṃ: bố thí có quả an lạc.
2. Atthi yiṭṭhaṃ: cúng dường có quả an lạc.
3. Atthi hutaṃ: việc cung kính, tiếp đãi có quả an lạc.
4. Atthi sukataduk̇katānaṃ kammānaṃ phalaṃ vipāko: các hành động thiện lẫn ác bất thiện đều có quả dị thục tốt đẹp hay đau khổ.
5. Atthi ayaṃ loko: có đời này.
6. Atthi paro loko: có đời sau.
7. Atthi mātā: có mẹ, đối xử tốt hay xấu với mẹ nhận quả trong tương lai.
8. Atthi pitā: có cha, đối xử tốt hay xấu với cha nhận quả trong tương lai.
9. Atthi sattā opapātikā: có các loại hóa sanh, nghĩa là có chúng sanh địa ngục, ngạ quỷ, chư thiên, Phạm Thiên.
10. Atthi loke samaṇabrahmaṇā samaggatā sammāpaṭipannā ye imañca lokaṃ parañca lokaṃ sayaṃ abhiññā sacchikatvā pavedenti: trong đời có Sa môn, Bà la môn chân chánh hành trì, chứng đắc các thần thông, Đạo Quả, tự mình biết rõ đời này đời sau, rồi thuyết giảng cho mọi người cùng biết.

Tri kiến đúng đắn viên mãn theo 10 điều chánh kiến như đã trình bày trên thì nên hiểu rằng: Tri kiến đúng đắn như vậy là Cải chánh tri kiến.

Người có tri kiến đúng đắn theo 10 điều chánh kiến một cách tròn đủ thì xem như trí hiểu biết về nghiệp phát sanh đến người đó. Do đó, hành động bố thí, trì giới, tu tiến của người đó hằng được quả phước rộng lớn không có gì có thể so sánh được. Ngược lại, người không có trí hiểu biết về nghiệp thì hành động bố thí, trì giới, tu tiến của người đó có quả phước ân đức ít ỏi nhỏ nhoi.

Chi pháp Cải chánh tri kiến trong 3 giai đoạn của Tư (cetanā):

1. Cải chánh tri kiến trong giai đoạn Tư tiền (pubbacetanā), đó là Tư trong 8 tâm đại thiện.

Người nào biết mình chưa có tri kiến đúng đắng, người ấy suy nghĩ rằng: Ta nên học pháp và thực hành pháp để có được tri kiến chân chánh, hiểu biết đúng về nghiệp quả. Việc suy xét như vậy gọi là cải chánh tri kiến trong giai đoạn tư tiền.

2. Cải chánh tri kiến trong giai đoạn Tư hiện (muñcacetanā), đó là Tư trong 4 tâm đại thiện tương ưng trí.

Sau khi suy nghĩ như vậy, người ấy quyết tâm tinh tấn học pháp, hiểu biết đúng đắn pháp học, tiếp theo thực hành pháp, có trí tuệ hiểu rõ nhân quả, hiểu biết đúng thực tánh Danh pháp, Sắc pháp… gọi là cải chánh tri kiến trong giai đoạn tư hiện.

3. Cải chánh tri kiến trong giai đoạn Tư hậu (aparacetanā), đó là Tư trong 8 tâm đại thiện.

Sau khi thành tựu được tri kiến hoàn chỉnh đúng đắn từ việc học pháp và thực hành pháp, suy xét rằng: Lúc trước ta có nhiều tà kiến, giờ đây ta đã có tri kiến chân chánh hoàn hảo trong Phật Pháp. Chính việc suy xét như vậy, là cải chánh tri kiến trong giai đoạn tư hậu.

Ngài Đại Trưởng Lão Mahābuddhaghosa giảng giải trong bộ sớ giải Aṭṭhasālinī aṭṭhakathā phần puññakiriyāvatthādikathā rằng:

1. “Diṭṭhiṃ ujukaṃ karissamīti cintentopi tesaṃ yeva aṭṭhānaṃ aññatarena cinteti”. Người nào suy nghĩ rằng: ta sẽ làm cho tri kiến đúng đắn, ngay thẳng theo nền tảng của Phật giáo, người ấy suy nghĩ như vậy bằng 1 trong 8 tâm đại thiện gọi là cải chánh tri kiến trong giai đoạn tư tiền (pubbacetanā).
2. “Diṭṭhiṃ ujukaṃ karonti pana catunnaṃ ñāṇasampayuttānaṃ aññatarena karoti”. Người nào làm cho tri kiến đúng đắn bởi sự chuyên tâm học pháp, và hành pháp ấy bằng 1 trong 4 tâm đại thiện tương ưng trí gọi là cải chánh tri kiến trong giai đoạn tư hiện (muñcacetanā).
3. “Diṭṭhiṃ me ujukā katāti paccavekkhanto aṭṭhānaṃ aññatarena paccavekkhati”. Người có sự suy xét trong nhận thức của mình rằng: Ta đã làm cho tri kiến được đúng đắn, thì việc suy xét của người này là cách suy xét bằng 1 trong 8 tâm đại thiện gọi là cải chánh tri kiến trong giai đoạn tư hậu (aparacetanā).

Chánh kiến có 5 loại:

1. Kammassakatā sammādiṭṭhi: Chánh kiến về nghiệp.
2. Vipassanā sammādiṭṭhi: Chánh kiến về Thiền Quán.
3. Magga sammādiṭṭhi: Chánh kiến về Thánh đạo.
4. Phala sammādiṭṭhi: Chánh kiến về Thánh quả.
5. Paccavekkhaṇā sammādiṭṭhi: Chánh kiến về quán triệt Thánh đạo, Thánh quả và Niết bàn, phiền não đã diệt tận, phiền não chưa diệt tận.

Năm loại Chánh kiến này, trong Thập Phúc Hành Tông (Puññakiriyāvatthu) điều thứ 10 diṭṭhujukamma (cải chánh kiến thức) chỉ đề cập đến kammassakatā sammādiṭṭhi (Chánh kiến về nghiệp) mà thôi.

Trong mười điều tạo phước này được chia ra 3 nhóm: nhóm tạo phước vật, nhóm tạo phước đức và nhóm tạo phước trí.

- Nhóm pháp tạo phước vật có 3 điều là: bố thí, hồi hướng và tùy hỷ.
- Nhóm pháp tạo phước đức có 3 điều là: trì giới, cung kính và phục vụ.
- Nhóm pháp tạo phước trí có 3 điều là: tu tiến, thính pháp và thuyết pháp. Riêng về điều cải chánh kiến thức là pháp hỗ trợ chín pháp kia và tạo được ba loại phước. (D.A. III.999; Comp. 146)

Thập Phúc Hành Tông (Nền tảng của hành động tạo phước thiện) cũng có thể được gom thành ba nhóm chính: Nhóm Bố thí (dāna), nhóm Trì giới (sīla) và nhóm Tu tiến (bhāvanā):

- Hồi hướng phước và Tùy hỷ phước được gom vào pháp thiện Bố thí gọi là phước thuộc về bố thí. Nhóm Bố thí (Dānamaya) có 3 pháp: Bố thí, Hồi hướng phước và Tùy hỷ phước.
- Cung kính và Phục vụ được gom vào pháp thiện Trì giới gọi là phước thuộc về Trì giới. Cung kính và phục vụ thuộc về carittasīla: giới nên hành của chư bậc xuất gia và người tại nên được gom vào Trì giới. Nhóm Trì giới (Sīlamaya) có 3 pháp: Trì giới, Cung kính và Phục vụ.
- Thính Pháp, Thuyết Pháp và Cải chánh tri kiến được gom vào pháp thiện tu tiến gọi là phước thuộc về Tu tiến. Nhóm Tu tiến (bhāvanāmaya) có 4 pháp: Tu tiến, Thính Pháp, Thuyết Pháp và Cải chánh tri kiến.